

Chương 4



NHỮNG CHUYỆN NHÂN VĂN và thời kỳ hữu khuynh, tư tưởng bị lũng đoạn tôi chôn vùi đi lâu rồi. Nhưng chưa phải đã được dứt. Chuyển đi Lai Châu ấy cũng là cho khuây khỏa mà thôi. Bởi vì cuốn tiểu thuyết *Mười năm* của tôi - một trong những ấn phẩm cuối cùng của Nhà xuất bản Hội Nhà Văn. Lập tức, các báo mổ xẻ phê bình. Một đòn đánh mạnh và lý lẽ nhất, bài của Như Phong trong ban biên ủy báo *Nhân Dân* in trên báo ấy và bài của Trần Độ trên tạp chí *Văn nghệ Quân đội*. Đây cũng là một quyển sách còn sót lại thúc đẩy phải đóng cửa nhanh Nhà xuất bản này.

Rồi Võ Hồng Cương thường trực Hội Văn Nghệ tổ chức một trận phê bình miệng. Nhà văn, nhà lý luận phê bình, nhiều cán bộ giáo vụ trường đảng và cả tỉnh ủy Hà Đông tham dự. *Mười năm*, một cuốn tiểu thuyết bộ ba của tôi viết về quang cảnh và con người vùng Nghĩa Đô nghề thủ công phía tây bắc thành phố vào ba thời kỳ nối nhau. Tiểu thuyết *Quê nhà*, Nhà xuất bản Tác phẩm mới in khoảng thập kỷ bảy mươi sau này. Sự việc cuối thế kỷ trước qua hai lần quân Pháp đánh Hà Nội, các làng ngoại thành nổi lên. *Quê người* là cuốn truyện dài đầu tay, quãng 1940 tôi viết cùng thời với những *Dế mèn phiêu lưu ký*, *Giăng thề*, *O chuột*. Quê tôi, lĩnh lựa nghề tổ bị lui bại, người làng phải bỏ đi tha hương đất khách quê người. Tiểu thuyết *Mười năm* như một tự truyện viết về một đám thanh niên trong làng tham gia Việt Minh nhen nhóm phong trào cách mạng tiến tới Tổng Khởi Nghĩa.

Mười năm được viết ra, những năm đó tôi về ở trên Nghĩa Đô. Văn Cao làm bìa, Văn Cao đã bắt đầu vẽ bìa để sinh sống. Văn Cao vẽ cái bóng làn nước chảy đều hiu chân cầu, ý nghĩa thời gian trôi, Mười năm, mười năm nước chảy qua cầu. Có hai người phát biểu gay gắt nhất. Như Phong:

- *Mười năm* có thể là một cuốn tiểu thuyết khá, vì đây cũng là thực tế ở làng quê tác giả và chính tác giả đã sống. Nhưng nó đã được chuẩn bị và sáng tác trong thời kỳ *Nhân Văn* lũng đoạn nên bị ảnh hưởng xấu. Các nhân vật cán bộ cách mạng đã bị bóp méo đến thảm hại.

Tôi không biết Lưu Quyên bấy giờ công tác ở đâu. Nhưng tôi đã gặp Lưu Quyên khi phụ trách báo *Cứu Quốc* khu Ba. Tôi ở Việt Bắc về qua Vân Đình, đi vùng Mường trên Đà Bắc. Nghe nói Đình Hùng ở báo *Cứu Quốc* tôi tìm đến gặp Đình Hùng ở một xóm đồng chiêm gần Chuôn Tre lối ra Đồng Quan. Những câu ca dao in báo *Cứu Quốc* và bài thơ *Cô du kích: Ngày nào trở lại cố đô. Ôi Thăng Long rợp bóng cờ vinh quang...* Đình Hùng đã làm và in trên báo *Cứu Quốc* những ngày ở đây. Sau Đình Hùng theo Vũ Hoàng Chương xuống Quỳnh Côi dưới Thái Bình, bị Tây quây, rồi về Hà Nội.

Lưu Quyên đồng dạc:

- Tôi là người chịu trách nhiệm phong trào Hà Đông thời kỳ ấy. Hà Đông chúng tôi khi đó không phải như trong tiểu thuyết *Mười năm*. Tôi phản đối người viết đã xuyên tạc sự thật lịch sử.

Rồi sau cũng nhiều khi Như Phong đi với Nguyên Hồng gặp tôi ở quán bia gốc liễu nhà Thủy Tạ. Ông này uống bia pha rượu trắng, tôi để ý thấy màu bia ở cốc ông nhạt hơn các cốc xung quanh. Cái lúc bè nhè vẫn hăng hái lý lẽ nhưng Như Phong làm như quên bữa anh đã cạo tôi. Còn Lưu Quyên về sau cứ từ đằng xa trông thấy tôi là tránh sang vỉa hè bên kia. Chỉ có một cuộc phê bình miệng ấy. Người viết không phải nói tiếp thu và hứa hẹn sửa chữa như chính huấn. Tuy vậy, đi làm hợp tác xã mấy tháng dưới Thái Ninh về tôi vẫn loăng quăng, day dứt.

Tôi đi Lai Châu, cho đỡ bần lòng. Cùng đi có Nguyễn Tuấn, Văn Cao.

Giữa trưa, xe lửa chạy Lào Cai. Đường sắt này mới chữa lại năm trước. Nhớ cái lớp 18 ngày, tôi bỏ đi dự khánh thành đường Hà Nội - Lào Cai về bị kiểm điểm. Thoáng nhớ thế thôi. Khách vắng, cả cái toa hạng ba, chỉ có Nguyễn Tuấn, Văn Cao với hai két bia mang theo. Người nhà tàu vui tính đội mũ lưỡi trai

đã chiêu khách, không cho ai lên thêm toa ấy. Và cũng uống bia chan hòa với chúng tôi. Mới đựng cốc đã mặt đỏ găng. Không biết uống, nhưng vì anh thích các ông khách nhà văn quá. Hồi ấy còn kiểu thùng bia hơi xù xì như cái chĩnh đại, chai si rô lựu đỏ gắt đặt trên mặt quầy. Chỉ uống cốc con, pha nước ngọt. Người ta còn nhăn mũi chê bia đắng. Cốc vại nửa lít mới trông đã hời. Hai két bia hai mươi bốn chai của chúng tôi như hai cái cũi lợn. Người coi toa say bia, đi ngủ từ chập tối. Nhưng vẫn nhớ công việc, anh khóa trái hai cửa đầu toa rồi nằm chúi đầu không biết. Làm thế nào, buồng vệ sinh lại ở cửa toa, phía ngoài. Mà hai két bia Trúc Bạch thì uống cả đêm nay. Thế mà rồi cũng xong. Bởi vì các cửa sổ toa đều vẫn mở được.

Suốt đêm, tàu qua Phú Thọ - Yên Bái đôi chỗ lấp loáng mặt sông Hồng và ánh trăng. Những đồi cọ như đàn voi phủ phục. Chín năm kháng chiến; người xuôi tản cư lên đồi cắt cỏ tế phơi đun bếp. Lại ngắt từng ô lá sắn về muối dưa. Nội cơm sôi lên, khúc sắn trưa công hạt cơm - củ sắn ba bốn năm còn sót lại vừa mới bới. Những ngày tản cư trong kháng chiến tưởng tượng xanh trong như trung du vào thu, loáng thoáng qua ngoài cửa sổ sáng trắng. Không rõ tàu tới đâu, nhưng cứ tưởng ra chỗ nào cũng ngỡ đây là những phố Ẽn, rồi ngòi Lửa bên kia Chuế Lưu rồi lên đến ga Đan Thượng... Mỗi khi tôi ở Bắc Cạn, ở Tuyên Quang về nhà, xuống phủ Đoan ra Cát Lem đầu lô hay qua bến Ngọc, chợ Ngà, tắt rừng về Đại Phạm ra Đan Hà. Có khi xuống ngã ba Phú Hộ rồi rẽ sang Thái Ninh ra Vũ Ẽn ngược bờ sông lên. Làng xóm và hàng quán những ông bủ bà bủ, đi một đơn, đi một tay dao và gió, gió thì gọi là bão, bão rồi, ò ngược ò xuôi sông Lô, sông Thao...

Ký ức theo con tàu chạy đường nối nhau trở về. Năm 1945, mờ sáng, tôi đi với bộ đội từ Yên Lạc tấn công vào thị xã Vĩnh Yên. Quốc dân đảng đã rút lên Việt Trì đêm trước. Chiếm Phú Thọ rồi truy kích tóm hụt thủ lĩnh Lý Ninh, nhưng cũng bắt được một số đầu sỏ. Đêm, chúng phá trại giam, chạy lên đến Vĩnh Chân bờ sông thì bị bắt lại. Tòa án quân sự mặt trận quyết định xử bắn ngay, trong khi các đơn vị vệ quốc đoàn vẫn đuổi theo tàn quân địch dọc đường sắt lên Yên Bái. Một cái đầu tàu chạy quăng này còn lại ở thị xã. Tôi vào bãi bắn ở sân bay. Khói than đỏ hồng trong sương mờ lạnh lạnh. Sân bay cũ cỏ mọc xanh lút đầu gối. Cái đài nước đổ nghiêng như một tảng đá trắng giữa bụi lau.

Sự tích của đám bị bắt lại cũng lộn xộn, khó hiểu như được thua của một trận đánh. Tư Ẽn, một trong ba cụ đầu sỏ bị trói gô lúc đương ngồi xếp bằng uống rượu trong đình Yên Kỳ, xung quanh đã chạy hết. Đặng Văn Mười còn có những tên là Tử Pính, là Hùm Xám. Một lão nhà giáo hơn hai mươi năm trước đã ngồi bảo học ở Phú Thọ. Quái đản nhất, đội Thất, nguyên cai ngục Yên Bái. Đội Thất đã đẩy xe máy chém ra đầu tình, sáng tinh mơ ấy thủ lĩnh quốc dân đảng Nguyễn Thái Học và đồng đội bị rơi đầu. Bây giờ lão theo quốc dân đảng vẫn được gọi là đội Thất. Sáng bạch, bọn tù được dẫn bên đê lao sang, bước loi thôi qua đám cỏ rậm đường băng. Hùm Xám đi bên trung đội trưởng Luân, lý lấu hỏi:

- Chốc nữa ông làm coup de grace ^[1] hả?

Nếu cái xích tay Hùm Xám không động lách cách dễ tưởng như hai người đi xem tử tù. Trung đội trưởng không nói, nhưng tỏ vẻ bức mình vỗ vào cái súng lục ổ quay bao da đeo lưng lẳng bên thắt lưng. Lại hỏi:

- Súng gì thế, thưa ông! Sanh tiên hay pọc học? Cái lão tử tù này mắc bệnh hỏi.

Giữa bãi cỏ, bên cạnh bảy cái cọc tre mới đóng, hai mâm đồng dọn ra giữa những viên gạch vỡ kê làm ghế ngồi. Xôi đỗ xanh, thịt gà luộc, trám muối. Cả bát nước xuyết. Một nải chuối đặt cạnh những chai rượu trắng. Không hiểu sao những sáu bảy chai - giúp cho người ta quên chết hay còn thừa thì chốc nữa vệ quốc đoàn để rửa tay, để uống nốt? Chỉ một loáng, đám tù đã chén tẹt hai mâm xôi dờ trên lá chuối. Cả những cái chai không lẫn lóc. Từng người đứng ngồi nhấp nhô, ai cũng râu ria xồm xoàm, mặt đỏ phừng, mặt tái ngắt phì phèo tuôn khói thuốc lá cuốn sắn, thanh thân lạnh lùng như những người xa lạ ngồi đợi tàu ở ga. Hùm Xám lơ láo nhìn quanh, bỗng cong cổ gào: Đời đẹp quá! Đời đẹp quá ít! Lão Tư Ẽn, hai tay xích để trên đầu gối, im lặng. Mặt rượu tím Quan Công, nổi bộ râu ba chòm, con mắt sắc như dao liếc. Lão ngẩng nhìn cái đài nước đổ đàng cuối bãi. Lão giơ ngang tay xích, cười khểnh, nói: Cái đài nước kia to thật lực

mà cũng đổ nhì? Rồi lại trầm ngâm. Hùm Xám ngoài cổ lại hỏi trung đội trưởng Luân: Ông cho coup de grace hả? Nhờ ông cho nhanh một tý. Lão cựu giáo học thì cứ thờ hờn hển. Không biết lão say rượu hay lão lên cơn nghiện.

Trung đội trưởng Luân đứng nghiêm, hỏi to:

- Phạm nhân có dạn dò, có nhẵn gì nữa không?

Đội Thất, người đã beng đầu Nguyễn Thái Học năm xưa, hét:

- Việt Nam quốc dân đảng vạn tuế, vạn vạn... ối giờ ối!

Bấy giờ ông cố đạo rửa tội, mới đến. Ông quăng vội cái xe đạp giữa bãi cỏ, bánh trước nghênh lên quay tít. Ông ở tận nhà thờ bên phủ Doan sang, có lẽ đã đạp xe suốt đêm qua. Quần ông xắn cao trên đầu gối. Ông lấy cái áo choàng đen trong ba lô ra mặc, áo chùng buông xuống, ống quần vẫn xoe trên bắp chân bê bết bùn. Ông cố đạo còn trẻ, chẳng nghỉ ngơi nửa phút, ông đến trước mặt từng người tù làm dấu thánh, rì rầm, rì rầm. Lão đội Thất được rửa tội sau cùng. Tự dưng, đội Thất kêu lên: Không, không, tao đéo xứng tội với mày! Rồi giơ hai tay xích nện xuống cái mũ lá của ông cố đạo. Ông cố đạo thản nhiên lùi xa, lại làm dấu thánh, cúi đầu đọc kinh nho nhỏ. Toán cảnh vệ bỗng súng chào giữa trời rồi quay lại từ từ quỳ một bên gối xuống mặt cỏ. Cách mấy thước, những người tù đã bị bịt mắt miếng vải đen, trói ngoặt cánh tay, căng chân vào cọc. Phút hốt hoảng khủng khiếp bất thần đến. Tiếng kêu la thất thanh trong tiếng súng vang từng chập. Nghe rõ tiếng lão đội Thất: Chưa trúng tôi? Chưa trúng? Ới giờ tôi, tôi oan, hay là tôi oan... Nhưng cái đầu lão đã ngoẹo trên cọc, máu tuôn òng ọc. Trong làn sương lẫn khói súng, bác sĩ Triển áo ba đờ xuy dạ đen, kính trắng, như thần chết vác lưỡi liềm ra. Chiếc ống nghe gi vào ngực từng cái xác. Trung đội trưởng Luân bước trước, mỗi cái xác bồi một phát súng lục vào gáy.

Mù sớm loãng dần, nhìn ra đám cỏ xanh eo éo. Ven đồi, những cây cọ bị gió đánh xơ xác rũ rượi, như tốp người nữa đợi đến lượt xử bắn.

Làn sương đêm dày đặc tỏa vào cửa sổ toa tàu. Chúng tôi ngợp trong sương, ho sặc sụa. Tôi nhớ cảm giác lạnh lẽo u ám sương mù thế này năm trước, cái hôm bọn tử tù bị trói trên cọc. Rồi tôi nhớ Nam Cao, Tây đã bắn chết Nam Cao có lẽ cũng tương tự như thế, khi mới chập tối trên đồng nước Hoàng Đan. Rồi nghe Thôi Hữu kể lúc Trần Đăng bị quân quốc dân đảng Trung Quốc đem bắn ở chân núi Nà Lầu trên biên giới. Rồi ở Tuy Hòa, Ninh Hòa hay Nha Trang, lại Trần Mai Ninh tử nạn.

Đoàn tàu đã qua thị xã Phú Thọ. Vòng trăng mười tư lên giữa trời trong veo.

Ngày ấy nhiều vùng đường xuôi tản cư dần lên ngược, cứ cái tên được đặt cho cũng dễ tìm được đường đi, Hà Nội Đồng Quan, Vân Đình, Hà Nội Phú Thọ, Hà Nội Đại Từ, Hà Nội Bắc Cạn, Hà Nội họp chợ lập phố giữa đường. Trận quân Pháp vận động lớn đánh vu hồi khép gọng kìm Việt Bắc mùa đông 1947, những bèo bọt Hà Nội ấy tan đi hay tụ lại, không biết đâu là chừng. Mặt sông vừa tạnh sương lúc mặt trời hé ra, từng đoàn người các bến về đã đổ lên chợ Mè trong thị xã. Nhận nhíp chợ búa, người ở xuôi tản cư ra chợ, mua bán, hò hẹn, thề bồi nhất quyết đi nữa hay đành dinh tề về thành. Bao nhiêu nông nổi không ai biết đấy là đâu. Sân bay Phú Thọ hôm có cuộc xử bắn vẫn đương còn sầm uất. Pháp lên chiếm Việt Trì rồi mấy hôm sau nhảy dù ban ngày xuống ngay chợ Mè giữa thị xã.

Đoàn cải lương Kim Chung tản cư ra đương diễn ở thị xã. Dãy phố cô đầu Chín Gian cửa hé cửa khép như chưa biết Tây đã lên Việt Trì. Chủ nhiệm báo *Cứu Quốc* mà tôi đương làm phóng viên, Xuân Thủy Nguyễn Trọng Nhâm thuở trẻ hoạt động ở Phú Thọ và để có cái độ nhật đã mở hiệu bào chế thuốc bắc Thọ Xuân Đan, lại xin được chân phóng viên nhật tin vặt cho báo *Đông Pháp*. Có thể cắt nghĩa được, ở nhà tù Sơn La, trong các dịp vui với bạn tù, Xuân Thủy hay đóng vai ả đào óng ả, véo von hát nói, ngâm thơ, có khi lại làm khách làng chơi nghiêng tang trống cầm châu điệu nghệ. Cũng là nhờ xưa kia ông nhà báo lá cải đi chơi che tàn với các thày thừa, ông lục, ông ký ga, ông chủ sự dây thép. Thịnh thoảng, lặn lội ở Hạ Giáp trong Phù Ninh ra, Xuân Thủy hay đưa tôi đến xóm cô đầu Chín Gian tom chát cùng ông Ba Triệu - một tay buôn và địa chủ có hạng ở ghềnh sông, ghềnh Ba Triệu quăng Lâm Thao lên, giàu có không kém chủ tịch Mặt trận Liên Việt tỉnh Đào Đình Quang ở đồn điền Thái Ninh. Cũng chẳng mới lạ và ham hố chơi bởi gì, vẫn vui chân thểthôi. Mới mấy tháng trước, ở Hà Nội, không mấy tối chúng tôi vắng mặt dưới Khâm

Thiên. Cả tòa soạn đi hát. Văn Tân thọt chân cũng có. Văn Tân với tôi ngồi cùng một xe tay. Xe ghé via hè nhà hát, tôi xuống trước, Văn Tân vịn vai tôi, một tay chống batoong bước ung dung vào như người hai chân đi bình thường. Chùm trò Xuân Thủy rồi Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Ngọc Kha... Roi châu anh Đan - bí danh của Xuân Thủy, sáng khoái, hào hoa lắm. Trần Huy Liệu ở cơ quan Tổng bộ Việt Minh tăng trên tòa báo. Trần Huy Liệu giơ tay chào, cười cười, mỗi tối thấy chúng tôi đi chơi. Ông anh thèm đi theo. Nhưng các chức Phó chủ tịch nước và Bộ trưởng Bộ tuyên truyền, lại chủ tịch hội Văn hóa Cứu Quốc không cho phép. Đến hồi thành phố căng thẳng, đề phòng Pháp đánh úp đêm phải rời ra ngủ chùa Thông làng Mộc, xâm xẩm chúng tôi đạp xe qua Khâm Thiên. Trong ánh đèn nhấp nhoáng, các cô ả đào chạy ra nhìn mặt khách quen, gọi í ới: Anh Mão ơi! Anh Thiên ơi! Anh ơi! Anh ấy ơi! Tối hôm sau phải đạp đi tránh quãng đường Sơn Tây ra Cầu Giấy...

Cho nên, cái khi mới tản cư, tạt qua thị xã Phú Thọ, ông Nguyễn Trọng Nhân cựu phóng viên báo *Đông Pháp* có ôn lại mấy ngón roi châu mà ông ấy và tôi được đi che tàn cụ Ba Triệu, âu cũng là cái thú nghiệp dĩ. Năm 1954, trở về Hà Nội, một dạo ở Khâm Thiên còn có nhà hát. Tiếng tom chát dưới nhà trên gác khêu gợi. Không sợ, cũng chẳng ngại, nhưng tôi không còn hào hứng. Như Nguyễn Tuân hồi ấy lên năm bàn đèn với ông Hy Chả Cá. Ông Hy Chả Cá, cũng như ông Mác xen hàng Bạc - những Mạnh Thường Quân của làng báo ngày trước. Ông Hy hút thuốc phiện trong gác xép cạnh gian bán chả cá - sau cái bàn thờ như cây hương. Nguyễn Tuân và tôi nằm ngồi một bên chiếu cạp điều. Nguyễn Tuân nạo sái, hơ thuốc chín nâu sẫm, nhồi vào tẩu, quay dọc tẩu sang mời ông Hy.

Ông Hy trầm ngâm nói:

- Cái tay còn nghề lắm. Vẫn hút hả?

Ông Hy hút rồi nhồi điếu thuốc mới, mời lại:

Nguyễn Tuân lắc đầu. Ông Hy phũ một câu:

- Tiên sư ông, bàn tĩn tại gia đây, sợ chó gì!

- Không phải, thấy không thích.

Ông Hy thở dài, nghiêng cái đầu hói trên gối, kéo nốt điếu thuốc. Bà Hy ló đầu vào chào rồi hỏi khách: Hồi này các ông anh đóng ở đâu mà lâu không thấy đến? Mấy hôm sau, khối phố gọi ông Hy đi trại cai nghiện. Ông Hy uống một bữa rượu nhắm chả rán, nem Sà Goòng - chứ không phải chả cá, rồi chết trong buồng ấy bên cạnh bàn đèn. Năm vừa rồi, vào Sài Gòn, Nguyễn Tuân cũng chỉ nằm chuyện và tiêm cho Tô Hà hút ở chợ Cũ. Tô Hà là thằng Điều làng tôi, nó hút để chữa đau bụng. Ra về, Nguyễn Tuân xin tiệm hút cái gối sành đem ra Hà Nội làm kỷ niệm. Rồi cái gối sành trắng bóng nghìn năm không vỡ của tiệm hút, Nguyễn Tuân cũng vứt ra ngoài hiên, giữa lũ vỏ chai bia, nước mắt, vang dâu đợi bán đồng nát. Đã bảo không thấy thích nữa thì chối, thế thôi. Một lần, ở phố Kỳ Đồng, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước tổ chức một buổi hát ca trù. Ban tổ chức bày biện như họp hội trường, ghế kê thành từng dãy, không có đánh trống chầu. Xong mỗi khổ hát, người ngồi các ghế đứng lên rào rào vỗ tay hoan nghênh bà Quách Thị Hồ. Nguyễn Tuân lừng lững đi về. Bà ả đào Phúc ra ngoài, nhìn bộ ria đen của Nguyễn, khẽ nói lờm như ngày xưa: Râu với ria, rõ nởm. Về hay sao? Câu hỏi níu lại tình tứ đấy. Những năm ấy bà Hồ, bà Phúc còn phảng phất đôi nét xoan, chưa phải bà lão tám mươi như bây giờ. Nhưng chúng tôi không thể đủ hứng nán lại ngồi xem hát nhà trò mặt dịch.

Đoàn tàu Lào Cai rầm rập vào khuya. Ngoài cửa sổ, ánh trăng ướn loang loáng trên lưng tàu lá chuối. Hình như đương qua ga Đan Thượng. Tưởng sắp về đến nhà như hồi đi tản cư. Trong bóng tối vườn chuối trong Đại Phạm, mộ bố tôi ở đấy. Bố mẹ, vợ con tôi đã tản cư ở lâu vùng này. Con gái lớn tôi sinh ra ở Đan Thượng, tên là Đan Hà. Cũng như Nguyên Hồng có cô con gái tên là Nhã Nam, cái Nhã Nam. Các con tôi đều được đặt những tên để nhớ. Đan Thanh nửa đêm mẹ trở dạ ở túp lều nhà ven đồi Phú Thịnh ra Ba Quan Thanh Cù, Xuân Đán, Xuân Áng bên kia sông, nơi có trại văn nghệ kháng chiến, Phan Khôi, Thanh Tịnh, Võ Đức Diên, Tạ Mỹ Quật, Nguyễn Nghi, Nguyễn Khang, Nguyễn Xuân Khoát - xưởng vẽ của Tô Ngọc Vân, tiền thân trường đại học Mỹ Thuật, có Nguyễn Tư Nghiêm, Dương Bích Liên... Bố mẹ tôi được Nguyễn Văn Mãi quản lý hội Văn Nghệ về Hà Đông đón lên Vĩnh Chân, rồi sang Xuân Áng ở nhờ nhà ông

Cầu trong xóm cùng nhà với anh chị Nguyễn Xuân Khoát. Con Sông Thao sinh ở Hà Nội, chúng tôi vẫn giữ hơi hướng những gian nan và thiên nhiên sông Thao. Khổ thì khổ thật, thế mà nhớ lại vẫn nhớ.

Trăng đã xế bên kia. Tiếng bánh rít ghê ghê, tàu lắc lư xóc người lên. Chúng tôi vẫn uống bia. Mọi rác rưởi thừa ứ trong người chốc chốc được đứng lên tống ra ngoài cửa sổ, sạch sẽ cả. Đoàn tàu ào ào trong đêm... Có thể Nguyễn Tuân và Văn Cao đang tưởng lại bệnh viện Thuận Châu giữa đường lên nông trường Điện Biên mà hai người mới đi lao động ở trên ấy về. Mới qua Suối Rút, sáng sớm Văn Cao vừa trở dậy xúc miệng đã thủng dạ dày, ngã ra. Chiếc xe tải của quân đội chở người phải mổ cấp cứu leo các dốc Đá, Hát Lót, Sơn La lên châu Thuận... Mỗi nơi có trạm xá lại được y tá ra xe tiêm cho người sắp chết một phát hồi sức. Suốt ngày đường, xẩm tối mới tới Thuận Châu - phúc bảy mươi đời, bệnh viện vừa mới được trang bị đồ mổ và bác sĩ chuyên khoa cũng mới ở Hà Nội lên, chưa đụng đến dao kéo. Nguyễn Huy Tưởng và Nguyễn Tuân phải là người thay mặt gia đình, theo thủ tục, ký giấy đồng ý cho mổ Văn Cao. Phòng mổ căng vải dù trắng như trạm sơ cứu tiền phương. Một đèn măng xông không đủ sáng. Nguyễn Huy Tưởng và Nguyễn Tuân phải đứng cầm đuốc soi cho ca mổ, như Quan Vân Trường đốt đuốc trước xe Cam, My phu nhân. Bác sĩ đánh thuốc mê đến sáu lần, con bệnh mới thiếp đi được. Nguyễn Huy Tưởng kể lại nói chắc là trong máu trắng này từ thuở trẻ đã tích tụ lắm sỏi, lắm cặn quen thuốc mê quá rồi. Văn Cao nằm lại châu Thuận mấy tháng, đến khi về Hà Nội lại phải mổ ra khâu lại. Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Lưu Quang Thuận, Nguyễn Văn Tý thì vào lao động ở nông trường Điện Biên... Rồi sau Nguyễn Tuân ra ở với đội làm đường ở Xuân Tre. Giữa đêm, cháy lán, Nguyễn Tuân mất số tay, lửa lém bồng cả mu bàn tay: Chắc thấy lửa giữa rừng ma quái quá, con rượu mê mãi ngồi xem lơ đãng đến mức lửa bén cả vào tay mà không biết - tôi nói đùa. Bởi không hiểu sao Nguyễn Tuân lại để cháy đến tận màn và mu bàn tay còn sần sùi một vết sẹo bồng.

Rồi những lần ra biên giới Việt Lào ở Tây Trang, những chuyến lên các làng dân tộc Mông ở trên núi lòng chảo bọc cánh đồng Điện Biên. Con suối Nậm Rôm vắt ngang Mường Thanh chảy ra suối Nậm Mu sang tận ngã ba sông Mê Kông - Nậm Mu phía trên cố đô Luang Prabang một quãng không xa. Nguyễn Tuân đã dầm chân trên suối Nậm Rôm. Còn tôi, đã có lần ngồi thuyền qua giữa ngã ba sông Mê Kông - Nậm Mu kia. Một cái thư Nguyễn Tuân viết ở lán làm đường Xuân Tre.

Công trường 426 Xuân Tre - Tuần Giáo

Chủ nhật 20 tháng ba.

Tô Hoài,

Cho đến hôm nay mình mới đọc scenario (kịch bản phim) Vợ chồng A Phủ. Thích đấy. Hơn cái facture (xây dựng, cấu tạo) nouvelle (truyện vừa) được giải thưởng. Có lẽ anh scenario này mới là anh ăn đích cái giải thưởng cũ. Những lúc này mình ước giá có Tô Hoài ở đây rượu sông cũng uống được nửa cây. Hôm đi Than Uyên cũng gặp người quen Tô Hoài. Hôm ngủ Nậm Din, mậu dịch Khôn cũng cứ hỏi mình sao bác Tô Hoài không lên với ông?

Ở Tuần Giáo, hôm mình vừa tới lại gặp cả vợ chồng A Phủ. Mình chưa biết Jeuschenique (khả năng sắm vai) cô Hoàn ra sao, nhưng cũng tin là cô đóng được.

Mấy hôm nay gió Lào nổi lên nhức đầu quá. Hôm ở Than Uyên, gió Than Uyên buốt. Hại tiền cao hổ cốt quá. Ông có thì giờ, nhìn hộ tôi mặt mũi Sông Đà (quyển Sông Đà đang in) nó ra sao?

Nguyễn Tuân

Bao nhiêu đường trường. Chỉ trên đường mới cảm thấy thơ thới, trong thành phố tù túng không tìm đâu ra những thành thơ được. Ở trên núi xuống, lại vào giới tuyến. Những lần lặn lội ngược xuôi sông Hiền Lương lên thầu cột mốc đầu sông lại xuôi Cửa Tùng, hai bên bờ đồn địch đồn ta đóng đàng đối, những chiếc loa vành rộng hơn bánh xe đạp cứ thi nhau chõ qua mặt nước lúc chửi lúc lại hát, như điên.

Nhớ sao những chiều Nguyễn Tuân, Kim Lân và tôi ra tha thẩn ngoài Cửa Tùng đợi đoàn thuyền đánh cá về. Mặt nước, mặt người vàng xuộm. Trên cửa sông, những cái đồn gác con con lợp mái tôn. Mỗi tuần, tốp lính bên Bắc bên Nam lại đổi phiên bờ này sang bờ kia. Tôi đứng một chỗ thấy cát không lún gót, nhận ra cát bể Đông ở Cửa Tùng hạt vàng thô, không mịn như cát Sầm Sơn, Trà Cổ ngoài Bắc.

Những người lính đối bốt hai bên cời trần, lưng đen cháy, cùng nhau chơi bóng rổ trên cát. Không thể tưởng chốc nữa có thể người ta chui vào sau lỗ châu mai ngắm bắn chết nhau. Trên dòng sông óng ánh sóng, những tốp thuyền đánh cá ngoài khơi vào, dần dần mỗi chiếc giạt về một bên. Hai bờ, người tùm lại từng đám. Làm như đi đón thuyền. Không, chỉ là cái cố ra nhìn sang sông cho thấy mặt những xóm giềng cũ.

Mấy hôm sau trở lên Hiền Lương mà cái cảm tưởng buồn buồn Cửa Tùng ấy vẫn đeo đẳng dai dẳng về một sự cách trở bỗng dưng.

Huyện Vĩnh Linh hay quận Trung Lương, hai bên đều không được phép vào khu giới tuyến. Ra vào phải có giấy chứng là người ở đây và có ủy ban quốc tế kiểm soát. Nhưng mà làm luật thế thôi, hầu như ai cũng vào, cũng ra được, cả hai phía. Tôi có cái giấy chứng minh làm cán bộ Bình dân Học vụ huyện. Từ quận Trung Lương phía Nam, đằng xa đã nhìn thấy. Bọn người nước ngoài, quần áo quân sự trông rõ dây tua vàng vắt vai, lỗ nhổ ra giữa cầu. Ta ở bên này vạch vôi trắng nói loa phản đối - tiếng oang oang to quá như nói với ai đằng xa hàng mấy cây số chứ không phải những người ngay trước mặt. Bên ta ra cầu kín đáo hơn. Khách đợi giờ nhất định xe ủy ban quốc tế đi tuần qua rồi mới thông thả vào dưới bóng hàng cây sa mu đến một mái lều ẩn dưới chòm bạch đàn bên cầu. Chúng tôi đi lại dễ hơn, nhưng cũng phải giữ trong người chứng minh thư mới, thay tên khác, là cán bộ bình dân học vụ huyện Vĩnh Linh. Cho phải phép mà thôi. Những cái chứng minh thư giả, cái thông hành giả như thế ai cũng biết là trí trá, thế mà cứ nhan nhản các khu vực nóng trên thế giới. Ở Bàn Môn Điểm, ở đảo Síp và trên cao nguyên Gôlan ở Syri bị Israel chiếm đóng, ở Đông sang Tây Beclin trước kia, tôi đã cầm những giấy giả ấy, mà chẳng bao giờ bị bên nào hỏi.

Chia tay với Nguyễn Tuân, ngày mai tôi trở ra. Hồi ấy, đương một đợt địch ngừng ném bom. Cờ đỏ sao vàng phấp phới trên Hồ Xá. Thị trấn địa đầu giới tuyến trở lại vui ngay, như chưa bao giờ bị bom, chạy bom. Các hàng quán sáng choang, nhộn nhịp. Đêm trên gác nhà nghỉ Hồ Xá sao mà ngán ngợp. Cái đêm thấp thoáng cùng ai dờ dang ngậm ngùi chốc lát. Cửa sổ nhìn xuống đường chính chong đèn suốt sáng như đương qua một quãng khác, lẫn lộn trước sau, dòng sông và cửa biển, nhịp cầu nửa xanh nửa cánh gián, tà áo dài trắng với những cây hương, những túp lều, bên kia Trung Lương lau sậy hoang vu, những gập gờ và kỷ niệm, tình cảm trong con người cũng sông có khúc người có lúc như chân đi trên đường.

Vĩnh Linh hòa bình bây giờ khác xưa, nhưng mỗi lần qua tôi vẫn một nỗi băng khuâng ấy. Cuối 1975, chuyển tàu suốt Hà Nội - Sài Gòn vào ga Tiền An cách trên Bến Hải hơn mười cây số. Người đôi bên hàng tàu xôn xao, náo nức vì sắp qua sông Hiền Lương, sắp qua... Những ngọn cỏ sắc lướt rập rờn bên nhịp tàu gập ghềnh, đột nhiên dòng sông trắng mờ hiện ra trước cửa sổ. Sông Hiền Lương đây ư? Những bụi tre mép bờ xòa cành lá xuống mặt nước phẳng lặng mờ mờ sương chiều. Như mọi con sông miền Trung trong mát trườn trên mặt sỏi không viền cát. Làm sao tôi trở về Hiền Lương, Bến Hải dòng nước bồi rồi đỏ ngẫu chảy năm nao. Có phải cái buồn cứ vẫn vơ ám ảnh mãi?

Rồi thời gian xa đi, mà vẫn nhớ thế. Trước đây vài năm, một lần Nguyễn Văn Bổng và tôi có dịp đi dọc Trường Sơn - với tôi, là lần đầu, còn Nguyễn Văn Bổng thì đã bốn năm lần vượt Trường Sơn trong hai cuộc kháng chiến, khi đi bộ, khi máy bay chở từng quãng. Các nhà lịch sử quân sự đương bàn cãi đường Trường Sơn - đường Trường Sơn theo lịch sử quân sự bắt đầu từ đâu trong vùng rừng Hòa Bình, Ninh Bình hay đèo Mụ Dạ hay nhích ra tận móm đầu rặng núi đá vôi rải rác ở Xuân Mai, ở Miếu Môn - nơi đã mọc lên nhiều doanh trại tập luyện vượt Trường Sơn, và vào đến trong kia, đường Trường Sơn xuống Long Thành hay còn xa nữa. Xa đến đâu chẳng được những người chiến sĩ trèo núi vào các chiến trường mịt mù xa. Những con đường thật ấy cũng như nỗi đau đã qua đi, đường Trường Sơn kháng chiến ngày nay chỉ có thể dựng lại làm kỷ niệm một trạm giao liên, một kho đạn, kho lương, một bãi khách ven suối và một mũi tên chỉ vào ngàn cây. Đường lớn Trường Sơn bây giờ nhiều quãng làm theo đường 13 cũ của Pháp rồi Mỹ trải nhựa mở rộng. Không phải người Pháp ngày trước chỉ là tác giả đường số 1 xuyên Việt mỏng manh lượn bên bờ cát bẽ Đông mà một viên đạn trái phá ngoài biển bắn vào cũng có thể chặt đứt đôi một quãng ven núi. Con đường bộ, đường xe lửa ấy chỉ là đường làm ăn và trưng diện. Mà ý đồ chiến lược của người

Pháp làm đường quân sự số 4 chắn biên giới phía bắc, rồi vòng xuống bao quanh Đông Dương. Từ Trà Cổ lên Mường Tè. Quảng Móng Cái tới chấm Cao Bằng qua Bảo Lạc tới Mèo Vạc Hà Giang, sang Lào Cai, sang Lai Châu vào Mường Tè đã được khảo sát và khởi công bắc nhiều cầu.

Ở Mường Tè, vắt sang Lào bắt vào đường 13, Luang Prabang xuống Pát Xế, tạt vào Quảng Bình rồi đến Ba Biên Giới mở ra hai đường, một rẽ Stung Treng vào Campuchia, một lên cao nguyên Lang Biang xuống miền Đông Nam bộ. Đường trong đường ngoài song song, đường kinh tế và rong chơi với đường quân sự bọc năm xứ Đông Dương lại. Những năm sau cùng - trước khi bị Nhật quật ngã, người Pháp còn có kế hoạch rời thủ đô Đông Dương ở Hà Nội vào Đà Lạt, - cao nguyên trong sâu giữ thế chiến lược lâu dài.

Chúng tôi qua cầu Hiền Lương rồi nghỉ lại. Cây cầu đã long nhịp, những thanh sắt rên rỉ dưới bánh xe. Mới nhớ ra hồi ấy mãi để ý quang cảnh thời sự nơi trở trêu bị chia đôi, quên mất cầu này chỉ là cầu đã chiến, quân đội Pháp lấp vội cho các cuộc hành quân trong chiến tranh 1946-1954. Năm 1946, hơn hai mươi năm trước khi tôi làm phóng viên báo vào mặt trận Nam Trung bộ đây chỉ là cái bến phà. Cái cầu mảnh dẻ bị gánh nặng lịch sử và thời gian đè xuống đã xác xơ, tàn tạ quá. Doanh trại bờ bắc, cỏ xanh om. Phía nam, giữa lau lách chằng chịt ngổn ngang mọc lên một nếp nhà mái ngói ba gian, đây là cửa hàng bách hóa của hợp tác xã. Chúng tôi mua mỗi người một chiếc quạt giấy. Rồi ra nằm bãi cỏ, quạt nằng chiêu. Mấy con bò nhà ai thông thả gặm cỏ quanh trên đầu. Về thản nhiên trơ gan cùng tuế nguyệt của cảnh vật gợi một nỗi buồn thê lương. Ngày trước, trông sang chỗ này cũng cỏ và lau ngập đầu, làng xóm và quận lỵ Trung Lương bị dờn vào trong kia. Cuộc đời và mọi việc đã biến đổi như ánh nắng chiều Hiền Lương đương nhìn nhạt quanh mình.

Thế là đoàn tàu lên Lào Cai chạy thâu đêm.

Chúng tôi cũng thức trắng đêm. Ba người ngồi lim dim mắt. Chai bia thứ hai mươi bốn đã hết lúc nào, tàu lắc, vỏ chai đụng nhau xoang xoảng. Con người và con tàu lừ đừ thức với những nhớ lại. Hai cửa toa tàu đã bị khóa mà hồn bay ra ngoài kia đêm trắng trắng bời bời. Sáng bạch, tàu vào Cốc Lếu. Bên sông biên giới, rừng cao su của Trung Quốc tốt lá xanh rì. Chúng tôi trọ trên gác ty Bưu điện, hôm sau vào Sapa.

Người hay đi, những chân đi nhà nghề kiểu kháng chiến Việt Nam từ lâu thường gắn bó với bưu điện. Rong ruổi đường đất, đường ngựa, đường xe đạp rồi tới đến ngủ trọ ở luôn nhà dây thép. Nguyễn Tuân thì dễ chịu vì như thế không phải tìm đến trạm nhờ đóng dấu vào sổ tay và trang viết, để được cái thích nhìn dấu ấn nơi đến nơi đi. Tôi đi lên cao nguyên Đồng Văn, Mèo Vạc từ hồi chưa có ô-tô đường Hà Giang - Đồng Văn sang Mèo Vạc. Người công tác, người buôn mang vác, gồng gánh đường dài một trăm, hai ba trăm cây: số đèo dốc - từ vùng oi bức thị xã lên thung lũng Quán Bạ dưới dốc Cổng Trời, đầu chợ Quán Bạ còn lại cái bảng xi măng thời Pháp đắp nổi dòng chữ Khí hậu Pháp (Climat de France) rồi lên nữa đến những vùng cao nhà tường nghỉ đông không bao giờ biết mùa hạ. Tôi đi và ăn nghỉ theo chặng ngựa bưu điện. Trạm trưởng Hà Văn Môn ở Yên Minh đóng gói cái màn, cái chăn dạ của tôi vào bao tải gắn xi như bưu kiện cẩn thận. Bắt đầu lên núi qua Văn Chải, Sà Phìn đến Phó Bảng. Con ngựa thồ bưu kiện lên dốc, anh bưu tá và tôi thông thả theo ngựa. Người nghề đi đã có ngữ chân, vừa tới thì tới trạm trên. Ngủ cánh đồng Phó Cáo, hôm sau lên Đồng Văn. Đến khi sang Mèo Vạc tôi về ở Lũng Phìn, con ngựa trạm phải đeo thêm cái chăn bông to xù của huyện đưa khách dùng. Chuyển đi Lào Cai này chúng tôi được chung nhau cái thú uống bia suốt đêm trên tàu. Như buổi chiều ngồi gốc liễu bờ hồ bên nhà Thủy Tạ. Rồi cũng lại nhờ đường và ở nhờ nhà bưu điện, Nguyễn Tuân với Văn Cao ở lại Sapa. Tôi thì đợi trong Lai Châu ra đón vào Phong Thổ. Cảm thấy chưa hết cái ngọt ngạt thành phố, cái buồn nông nổi tiêu thuyết *Mười năm*, tôi lại đi nữa.

Vào Sapa nghỉ lại trên gác nhà bưu điện huyện. Vùng nghỉ mát Sapa những năm ấy còn heo hút, hoang tàn. Các nhà trọ tối hun hút ở ngay chợ chữa lái buôn đào, mận và người mua hạt giống su hào, hoa lơ. Nhà nghỉ mậu dịch, một dãy nhà sàn lừng cuối phố. Khách có công việc về huyện trọ đây. Trên đỉnh núi, một khách sạn cũ được sửa sang lại bên đài thiên văn. Chuyên gia Ba Lan ngành này ở và đôi khi người du lịch nước ngoài ghé lên. Tôi đã quen ở trọ các cửa hàng bách hóa, các bưu điện huyện, nhà bưu tá xã - những

nơi dừng chân cơ động ở vùng núi, nhưng đây lần đầu một chặng trên tỉnh xuống huyện, Nguyễn Tuân và Văn Cao đi theo đường dây kiểu này. Sapa đượm vẻ yêu kiều cho người đến với thiên nhiên, giữa thiên nhiên. Không heo hút như Mẫu Sơn không giống một thứ đồ chơi bé bỏng như Tam Đảo, Ba Vì. Trước mặt, lừng lừng ngang mắt triền núi Hoàng Liên trải ra màu tím bao la, đôi khi nắng lên như cơn mưa bóng mây hồng xuống xung quanh đỉnh Phanxiphan cao nhất nước. Theo trí nhớ đến nơi đến chốn của Nguyễn Tuân, đỉnh Hoàng Liên đúng 3.142 thước mà năm vừa qua, Nguyễn Tuân đã theo một đoàn cán bộ nghề rừng lên đến chỗ chót vót ấy. Ở Sapa, xuống thung lũng có trạm thủy điện cũ thời Pháp, trèo vài bước sang khe suối đã vào nương người Mèo, đối diện với bên phố lát đá tảng mà người xuôi lên ở thành phố đã lâu đời. Ngôi nhà thờ nguy nga hiện ra, ngọn tháp rêu phong xanh mướt như đỉnh núi đá: Đầu thế kỷ này, linh mục Savina đã tu ở đây, cùng thời kỳ cố Hiền người Pháp ở nhà thờ Xạ Hồ trên núi bên Nghĩa Lộ. Linh mục Savina đã viết quyển *Lịch sử dân tộc Mèo* và làm bộ *Từ điển Pháp Mèo* in ở Hồng Kông từ 1920. Người Mèo sùng đạo ở Sapa, tôn ông cố Savina là vua Mèo. Chiến tranh thế giới lần thứ nhất 1914-1918, đế quốc Đức đã xúi giục người Mèo ở tây bắc Việt Nam và bắc Lào nổi dậy. Cố đạo Savina làm cố vấn chính trị trong quân đội Pháp đi dẹp loạn. Năm 1918, Savina mời được tất cả các vua Mèo về họp ở Xiêng Khoảng. Tại hội nghị, toàn quyền Đông Dương đã ký với các thủ lĩnh Mèo những văn bản qui định chế độ chính trị và hành chính cho dân tộc này. Từ đây, người Mèo ở ba xứ Đông Dương đều trực thuộc chính phủ Pháp mà đại diện là quan công sứ đầu tỉnh. Lại đặt ra chức thống lý thống quán cho người Mèo tự quản nhau. Savina tu ở Sapa cho đến khi qua đời. Tới những nơi sơn cùng thủy tận khuất nẻo đến đâu, ai đấy chớ vội nghĩ hôm qua chưa có một bàn chân xa lạ nào đến, mặc dầu con người bao giờ cũng lấy tưởng tượng đó làm một kiêu hãnh.

Suốt chiều, Nguyễn Tuân ngồi ngoài hiên gác nhìn sang Hoàng Liên Sơn. Mơ màng lại chuyển đi năm ngoái, dâng tử dương ngắt ngừ trong da trời xanh lam, trong mây trắng ngắt ngừ trên kia. Hay là lại muốn lên chóp núi lần nữa, hay là sao... Đêm ấy sương mù trong thung lũng dâng lên như bông giắt vào trong cửa sổ gác. Chúng tôi được nghe một câu chuyện đời người. Ngoài hai mươi năm trước...

Người ngồi trước mặt chúng tôi, y sĩ Tái Sinh trạm trưởng trạm xã huyện. Tái Sinh có nghĩa là sống lại. Cái tên anh tự đặt cho mình. Anh quê gốc dưới Thái Bình. Nhiều bà con công giáo đường bể đã lên sinh nhai trên này, có khi di chuyển cả làng cả cha cố đi theo, như ở Bản Hẻo bên Nghĩa Lộ.

Anh yêu cô Đào nhà ngoài phố. Một cố đạo Tây cũng mê Đào. Ông cố dế cụ có điều kiện và hoàn cảnh dễ quyến rũ đàn bà. Nỗi đau, nỗi lo của hai người được cắt bỏ bằng cách làm như người đi săn bắn trong núi là phải giết lão cố đạo. Anh đã đâm chết lão rồi trốn lên gác chuông nhà thờ. Nửa đêm, có người đưa anh lườn rừng chạy ra bờ sông Hồng. Anh chặt chuối ken bè, chiếc bè chuối đưa anh trôi xuống Yên Bái - vùng tự do ngoài kháng chiến.

Anh được đi học y tá. Cũng từ đây, tên anh là Tái Sinh.

Chiến dịch biên giới 1950, Lào Cai được giải phóng. Y sĩ Tái Sinh trở về Sapa. Thì Đào đã lấy chồng. Cuộc chia tay bờ sông xưa đã phai mờ.

Bên Lai Châu điện báo có người sang đón tôi. Nguyễn Tuân và Văn Cao cuộc bộ tiễn tôi một trường đình dài dài. Chẳng lẽ lại đi nữa, đương thuận chân - Nguyễn Tuân nói. Nhưng cũng không trở về Sapa hôm ấy, hai người với tôi ngủ lại ở một lán lâm trường dưới dốc Ô Quy Hồ. Tiếng suối chảy trong đêm mênh mông, tối đen, đôi lúc lẫn với gió rít rào, như sóng biển. Máy bay xuống đêm Simphêrôpôn thủ phủ bán đảo Crưm, nghe ra xung quanh có tiếng sóng biển Hắc Hải, nhưng sáng sớm mới biết đấy là gió rừng bạch dương quanh nhà ở giữa thành phố. Đây chỉ có gió vào sườn núi, cũng tương tự thế.

Nguyễn Tuân nắm tay tôi mà rằng:

- Cái số tao xưa nay cứ phải đi tiền may. Thế thì ra làm sao?

Rồi lại nói vui:

- Nhưng mà trường đình xa quá, những một ngày đường, nửa đường rồi. Từ Ô Quy Hồ mà vào Mường So, ba ngày ngựa chửi mầy. Nay, nhớ ngắm những cái chòm Pu Xam Cáp hộ tao.

Quả thật, chúng tôi có cái duyên thường gặp nhau - cũng như chia tay nhau giữa đường. Khi Nguyễn

Tuân ở lại Vĩnh Linh tôi về Hà Nội, khi Nguyễn Tuân đến Tuần Giáo rồi vào Điện Biên tôi lên Tòa Chùa, lại cái lần ở đèo Mã Pí Lèng ra, Nguyễn Tuân về xuôi còn tôi lên Đồng Văn, rồi lại đem nhau đoàn đình trường đình tận phương trời, tình cờ gặp ở Matxcova, tôi đi Vacsava... Chú liên lạc ở Lai Châu ra dắt ngựa cho tôi vào Bình Lư, ngày mai qua thác Gió. Ở ngã ba Bình Lư, cái cột chỉ đường Pháp xây từ năm tôi mới oe oe chào đời. Dưới con số năm 1920, những dòng chữ chỉ cây số và đường ngựa sang Than Thuộc xuống Tam Đường, đến Thèn Xin, vào Mường So huyện lỵ Phong Thổ. Dây Pu Xam Cáp mà Nguyễn Tuân nhờ tôi ngắm hộ suốt ngày lúc nào cũng chập chờn nhấp nhô bên tay trái.

Có đến hai ba tháng sau, khi tôi ở vùng cao Phong Thổ xuống huyện lỵ ở Mường So, nhận được điện Sapa Nguyễn Tuân đánh vào, tỉnh ủy Lai Châu chuyển. Chắc hôm ấy ông còn ở nhà dây thép, điện đánh nhờ không mất tiền, dài cả trang như thư.

Tôi mới biết sau đây, Nguyễn Tuân và Văn Cao dọn xuống ở trạm xá với y sĩ Tái Sinh. Câu chuyện tình buồn kia Tái Sinh chỉ kể một lần, nhưng cái day dứt còn lại, hôm nào Tái Sinh cũng hỏi khách: Tôi tiêu diệt thằng Tây thế là hành động cách mạng hay là trả thù cá nhân? Tôi báo cáo là cách mạng, tổ chức huyện thì nhận xét là không phải, cho nên tôi chưa có huân chương. Các ông thấy thế nào? Nguyễn Tuân bảo tôi thư hay điện trả lời hộ cho hai ông, vì lẽ tôi thành thạo các việc về tổ chức! Nguyễn Tuân đã bảo Tái Sinh thế rồi.

Muốn ở lại ngắm mãi Phanxipăng mà không được vì Văn Cao ốm sốt. Nguyễn Tuân phải đưa Vua ra Lào Cai, lấy vé tàu cho Vua về Hà Nội một mình. Chúng tôi hay gọi đùa Văn Cao là Vua, là Văn Vương. Hợp với cái gã tính thích thú người ngưỡng mộ, ưa ngồi phán và ban phát lời lẽ như sấm ký.

Nguyễn Tuân ở lại một mình làm khách của tỉnh, đợi chuyển vào Bắc Hà.

Gửi đồng chí nhà văn Tô Hoài Lai Châu (Tây Bắc) - nhờ Văn phòng Tỉnh ủy Lai Châu chuyển hộ.

Simacai (Tân Mã Nhai) 8/6/1965

Ông Tô Hoài

Mình có cái may là gặp liền hai phiên chợ. Chợ Bắc Hà và chợ Simacai. Đông, nhiều màu sắc. Đào, mạn, thẳng cổ v.v... Simacai cách biên giới có 8 km. Tôi không khỏe, cho nên tới đây rồi lại quay ra Bắc Hà và về Lào Cai và xuôi Thủ đô, sau khi nói chuyện phục vụ. Định lần sau sẽ tua một vòng Bản Lầu Mường Khương Pha Long qua Simacai Bắc Hà rồi Bảo Nhai Phố Lu.

Bắc Hà mát dịu chứ không mát gắt như Sapa. Cảnh Bắc Hà (Pa kha) cũng đẹp hơn Sapa. Anh giao thông bưu điện và đường dây Bắc Hà - Simacai cũng có nhiều đặc điểm vùng núi, viết được. Hôm ông ở công trường 112 Ô Quy Hồ đi Bình Lư thật vẫn còn là may. Ông đi buổi sớm thì đêm ấy mưa to, thác nước xô đá xô cây nghẽn thêm nhiều quãng đường.

Văn Cao sừng phổi từ hôm ấy, về đến Lào Cai phải tiêm một Bérie thuốc và bác sĩ bảo phải vào ngay bệnh viện. Văn Cao sợ quá. Tôi cũng ngại. Liền lấy vé luôn cho ông ấy ra tàu xuôi về Hà Nội, về đấy mà vào Việt Xô - tôi thấy còn hơn là nằm ở Lào Cai. Từ hôm Vua về, tôi vẫn nằm ở phòng khách tỉnh ủy. Thấy lúc xuất phát Hà Nội, chúng ta là một tổ 3 người. Và nay tổ chỉ còn có một mình lính già này. Hôm qua phải rút luôn một hơi 26 cây số dốc, mỗi chân quá. Nay vẫn còn mỗi và uống gần hết chỗ cao hồ. Chúc ông viết khỏe và xong. Mong sẽ có dịp đi Lai Châu vào một dịp nào cuối năm. Ông viết thử kể chuyện Ô Quy Hồ Bình Lư Phong Thổ Lai Châu cho tôi nghe với.

Ng. T.

Nguyễn Tuân công trường 426 Tuần Giáo khu tự trị Thái Mèo.

1966, chúc mừng năm mới!

Tô Hoài ơi, trên này lạnh quá. Bộ xương đã buốt sẵn vì tê thấp mùa này, lên đây càng buốt tợn. Chỗ công trường làm đường mình ở chung quanh lại là núi đá (như kiểu núi đá Bắc Sơn Quỳnh Sơn) nên đêm càng buốt tợn. Chỗ mình ở cách Tuần Giáo khoảng 20 cây, cách Điện Biên khoảng 70 cây. Vậy mà từ hôm lên mình chưa ra Tuần Giáo. Mình đã lên từ sớm thứ hai 7/12. Chính giờ sáng cất cánh, 10 giờ 50 đã ở giữa cánh đồng Mường Thanh (không kể nửa giờ đỗ xuống Nà Sản, vậy là giờ bay mất có 1

tiếng 20 phút). Vậy là trong năm mình 3 lần đi Tây Bắc, 2 lần vô giới tuyến.

Tình hình làm đường cũng có những thuận lợi và khó khăn mới. Bây giờ vẫn là đánh nhau với núi non sông suối bằng hai bàn tay con người. Kế hoạch đặt lúc đầu cũng có bố cục đồng, nên bây giờ nó mới rõ ra là còn phải vài ba năm mới hoàn bị xong. Các thứ máy dũi, máy húc, máy ngoạm không phải là không có nhưng phải có người lái máy, người chữa máy. Mà các ông lái đó không phải là một tuần một tháng là có ngay. Như thế này là con đường chưa xong mà cuốn sách định viết đã phải cắt băng khánh thành đó rồi. Thôi, mùa xuân lên đây một chuyến nữa, rồi về là viết, cuối năm xong.

Ng. T.

Phố Lu Lào Cai 12/6

Anh Tô Hoài,

Thư trước viết từ Simacai một ngày phiên chợ có nắng. Thư này viết sau ba ngày đi bộ liền 70km, dưới mưa, hôm trước mưa lũ to tắc suối phải vòng lên bản Mèo tránh lũ. Hôm trước mưa, hôm sau mưa, hôm sau nữa lại mưa nữa. Từ Simacai ra Bắc Hà, ngủ Bạc Hà vẫn mưa. Hôm sau từ Bắc Hà ra Bảo Nhai, vượt Cổng Giời (vẫn lại Cổng Giời) và qua sông Chảy. Sớm sau, Bảo Nhai về Phố Lu, ngủ Phố Lu, sớm chờ lâu thì đi tham quan lại chiến trường của Trung đoàn Thủ đô cũ. Người mình vẫn đang hâm hấp sốt, mấy hôm đi trong mưa vẫn sốt tiếp. Cao mang đi hết, phải nhờ địa phương tiếp cao cho mới rút đường được như vậy.

Mệt, khổ, nhưng hình ảnh lượm về giao thông bưu điện cũng không đến nỗi nghèo lắm. Đường dây Lào Cai như thế là căn bản tôi như tóm được đây rồi. Định đi nốt hai huyện Bát Xát và Mường Khương nữa thì tôi hoàn chỉnh đường dây của tôi. Lào Cai có 5 huyện tất cả thì chuyến mùa mưa này, như thế là tôi đi xong được 3 huyện rồi. Một huyện xuôi (Bảo Thắng), một huyện núi nội địa Sapa và một huyện núi biên giới Bắc Hà - Simacai cách biên giới 2km chim bay.

Người mệt, chân mỏi, năm hôm chỉ ăn cháo và sữa. Mệt mỏi chân tay, lưng nhưng lòng thì có cái lâng lâng của một người chủ nhân ông đất nước tiến lên, đất nước tiến theo mình và mình theo nước và đất mà tiến lên.

Hôm ở Phố Lu tôi nhớ ông và ông Văn Cao quá (Tôi, cái thằng chuyển đi Điện Biên Phủ 1958 nó bị mổ nằm lại Sơn La, chuyến này là cũng tìm phổi và phải đưa về, bỏ cuộc).

Tôi định đi nốt đường Mường Khương đây. Mong ông đi được Sìn Hồ và nhất là Mường Tè. Cái quà quý nhất ông sẽ kể cho tôi nghe sau này tôi nghĩ rằng phải là những cảm xúc về huyện Mường Tè biên giới và đầu nguồn sông Đà!

Nguyễn Tuân

Đ.c Tô Hoài (nhà văn) Tỉnh ủy Lai Châu (Tây Bắc) - Nhờ các đ.c văn phòng tỉnh ủy chuyển thư tiếp nếu đ.c Tô Hoài đã xuống huyện. Văn phòng Tỉnh ủy chuyển bưu điện Mường Lay: đ.c Tô Hoài đã đi Sìn Hồ, đề nghị chuyển.

28/6/1966

Ông Tô Hoài

Hai thư của ông cùng tới một lúc, đến dăm sáu hôm nay rồi. Nhưng tôi lười, nay đấu tranh tư tưởng mãi mới viết được cho ông. Nhất là cách đây một tuần, tôi lại chơi đặng quý quyến, bà nhà ông cũng cho biết là ông ngã ngựa ở Phong Thổ, trên đường đi Đào San. Theo cách hiểu chủ quan của tôi thì bà ấy vừa lo vì tai nạn thương du Bắc Kỳ, nhưng cũng có vẻ lý thú vì những sự rơi ngã trữ tình ấy.

Hình như hôm qua trẻ con nhà ông ngồi xe cơ quan sang địa điểm sơ tán (vẫn cái chỗ đường 18 ấy đấy). Tôi cũng vừa nhận thư ông Hồng khoe rằng viết xong rồi cái trang cuối cùng của tiểu thuyết dài của ông ấy vào đầu tháng 7, ông xuống thanh toán contrat (hợp đồng) với Hội. Và mặt khác, chuẩn bị đi khu 4 khói lửa cùng bạn Tế Hanh. Khu Tư, khu Tư anh dũng! - Chao ôi, nếu nó cứ tiếp diễn xâm phạm bầu trời Hà Nội - quăng Xuân Mai, có ngày hai lần cả sớm cả chiều như hôm 25/5 vừa rồi thì Hà